TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/DS-PT
Ngày: 10 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2020/TLPT-DS ngày 05/8/2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Tr , sinh năm 1959 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn Đăk Wí, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B, sinh năm 1983.
Trú tại: Thôn Thống Nhất, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2.Bị đơn: Ông Trần C, sinh năm 1961 (có mặt)
Bà Trần Thị N, sinh năm 1963 (có mặt)
Cùng trú tại: Thôn Đăk Liên, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần C bà Trần Thị N .

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ chồng Ông Nguyễn Tấn Tr Bà Nguyễn Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 01/4/2016 vợ chồng ông Tr bà Ph cho vợ chồng ông C bà N vay số tiền 128.800.000đ; Thời hạn trả là cuối năm 2016, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, ông C bà N nói vay để làm nhà; Ông C viết giấy mượn tiền rồi vợ chồng cùng ký nhận, giấy được viết thành 01 bản do vợ chồng ông Tr bà Ph giữ. Đến hạn ông C bà N không trả mặc dù ông Tr bà Phnhiều lần yêu cầu trả tiền, nên ông Tr bà Phkiện yêu cầu ông C bà N trả tiền gốc là 128.800.000đ và tiền lãi theo mức 1%/tháng tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 61.440.000đ, tổng cộng là 190.240.000đ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông C bà N trả tiền gốc là 128.800.000đ và tiền lãi theo mức 1%/tháng tính đến thời điểm xét xử là 61.440.000đ, tổng cộng là 190.240.000đ.

Bị đơn vợ chồng Ông Trần C Bà Trần Thị N thống nhất trình bày:

Ông bà xác nhận có vay tiền của ông Trung bà Phượng, xác nhận có ký giấy vay tiền ngày 01/4/2016 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng.

Tuy nhiên, thực tế ông bà không vay khoản tiền 128.800.000đ như ghi trong giấy mà lý do là vào ngày 28/02/2012 (âm lịch) vợ chồng ông bà vay của ông Tr bà Phsố tiền 50.000.000đ để làm nhà và trang trải chi phí cuộc sống gia đình, không nhớ thời hạn vay, lãi suất 5%/tháng, trả hàng tháng; Khi vay ông bà có viết 02 giấy vay tiền có nội dung giống nhau, mỗi bên giữ một bản. Sau khi vay ông bà không trả lãi hàng tháng, nên cuối năm 2013 ông Tr bà Ph tính lãi 09 tháng của số tiền 50.000.000đ thành 22.500.000đ nhưng vợ chồng ông bà chỉ trả được 20.300.000đ, còn thiếu 2.200.000đ, khi trả không làm giấy tờ.

Sau đó ông bà không trả thêm khoản tiền nào khác cho ông Tr bà Phnên đến ngày 01/4/2016 ông Tr bà Phtính lãi của số tiền 50.000.000đ là 78.800.000đ cộng với 50.000.000đ tiền gốc thành 128.800.000đ và yêu cầu ông bà viết và ký giấy trên; Ngoài ra, cuối tháng 3/2020 bà Phượng đến nhà vợ chồng ông bà yêu cầu viết thêm 01 giấy vay xác nhận số tiền vay 128.800.000đ, không ghi lãi suất, thời hạn trả là cuối năm 2020, giấy viết 01 bản ông Tr bà Ph giữ và không cung cấp cho Tòa án.

Hiện nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông Tr bà Ph 50.000.000đ tiền gốc vay ngày 28/02/2012 (âm lịch) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng Ông Nguyễn Tấn Tr Bà Nguyễn Thị Ph; Buộc vợ chồng Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho vợ chồng Ông Nguyễn Tấn Tr Bà Nguyễn Thị Ph số tiền gốc là 128.800.000đ và 65.387.459đ tiền lãi, tổng cộng làm tròn là 194.187.000đ (một trăm chín mươi tư triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 07/7/2020, bị đơn ông Trần C , bà Trần Thị N nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo hướng chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần C , bà Trần Thị N làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ông C , bà N thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Tr bà Ph chỉ yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền gốc vay là 128.800.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 01/4/2016 (bút lục số 25) mà không yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền tính lãi suất.

Ông C, bà N chấp nhận trả cho ông Tr bà Phsố tiền 128.800.000đ theo yêu cầu của ông Trung, bà Phượng.

Thời hạn trả tiền:

- Ngày 31/12/2020 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000đ

- Ngày 30/6/2021 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000đ

- Ngày 31/12/2021 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền còn lại là 88.800.000đ.

Trường hợp ông C, bà N không trả đủ số tiền theo đúng thời hạn đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu lãi chậm trả đối với toàn bộ số tiền còn nợ lại (bao gồm cả số tiền chưa đến hạn trả) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Xét các bên đương sự thỏa thuận được với nhau nội dung đang tranh chấp, nội dung thỏa thuận phù hợp các quy định của pháp luật cần ghi nhận.

[3] Án phí dân sự: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại theo quy định chung, cụ thể:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C , bà N phải chịu án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C , bà N không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Ông Trần C và Bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng Ông Nguyễn Tấn Tr Bà Nguyễn Thị Ph số tiền gốc là 128.800.000đ.

Thời hạn trả tiền như sau:

- Ngày 31/12/2020 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Ngày 30/6/2021 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Ngày 31/12/2021 Ông Trần C Bà Trần Thị N phải trả cho Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền còn lại là 88.800.000đ (Tám mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng)

Trường hợp Ông Trần C Bà Trần Thị N không trả đủ số tiền theo đúng thời hạn đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu lãi chậm trả đối với toàn bộ số tiền còn nợ lại (bao gồm cả số tiền chưa đến hạn trả) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần C Bà Trần Thị N phải nộp ***6.440.000đ*** án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả Ông Nguyễn Tấn Tr , Bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.756.000đ theo biên lai thu tiền số 0010225 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần C Bà Trần Thị N không phải chịu. Hoàn trả ông Trần Có, bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 015506 ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Viết Hòa

thực tế ông bà không vay số tiền 128.000.000 đồng của ông Trung mà xuất phát từ giấy vay đề ngày 28/2/2012 có nội dung vợ chồng ông Có bà Năng